

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TW MEDIPHARCO-TENAMYD NĂM 2010

I. Lịch sử hoạt động của Công ty :

1. Những sự kiện quan trọng:

1. Những sự kiện quan trọng:

- a. Công ty Dược TW Huế nguyên là Công ty Dược phẩm tỉnh Thừa Thiên Huế được thành lập Ngày 08 tháng 4 năm 1976 sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng -thống nhất đất nước, đã trải qua nhiều thời kỳ với các tên gọi khác nhau: Xí nghiệp Liên hiệp Dược Bình - Trị - Thiên, Xí nghiệp LH Dược Thừa Thiên Huế, Công ty Dược Thừa Thiên Huế.
- b. Năm 1999 được Bộ Y Tế ra quyết định số 340/1999/QĐ-BYT ngày 02/09/1999 tiếp nhận Công ty Dược Phẩm TT.Huế vào làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dược Việt Nam thuộc Bộ Y Tế và đổi tên thành Công ty Dược TW Huế , tên giao dịch là MEDIPHARCO, ngành nghề SẢN XUẤT - KINH DOANH - XUẤT NHẬP KHẨU trực tiếp thuốc chữa bệnh, nguyên liệu , hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học và thiết bị dụng cụ Y Tế.
- c. Theo Quyết định số 4751/QĐ-BYT ngày 09/12/2005 của Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Dược TW Huế thành Công ty Cổ phần, đơn vị tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp và ngày 18/01/2006 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy phép số 3103000165 đổi tên thành Công ty cổ phần Dược TW Medipharco với số vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).
- d. Được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (theo Quyết định 175/UBCK-GCN ngày 20/09/2007) về việc phát hành tăng vốn điều lệ, ngày 07/11/2007 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp giấy phép số 3300101406 đổi tên thành Công ty Cổ phần Dược Trung ương Medipharco -Tenamyd với số vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).

2.2 Kinh doanh:

TT	Diễn giải	Đ.V tính	TH	KH	TH	So sánh%	
			2009	2010	2010	6=5/3	7=5/4
	1	2	3	4	5		
I	TỔNG MUA VÀO	Tr. đ	327.000	352.000	425.000	130,0	120,7
II	TỔNG BÁN RA	Tr. đ	379.877	405.000	465.831	122,6	115,0
1	Xuất khẩu	-	2.200	7.600	3.680		
2	Bán trong nước	-	377.677	397.400	462.153		
III	CHI TIẾT BÁN		379.877	405.000	465.833	122,6	115,0
1	Bán của Công ty	Tr. đ	332.657	353.682	412.690	124,1	116,7
1.1	Bán tại Công ty	-	61.812	102.582	70.735		
1.2	Chi nhánh Hà Nội	-	78.754	88.000	80.431		
1.3	Chi nhánh HCM	-	192.091	163.100	261.524		
2	Các CN TT Huế	-	47.220	51.318	53.143	112,5	103,6

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

a. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- ❖ Sắp xếp, bố trí, bổ sung nhân sự cho phòng Cơ điện, NCPT, KD, QA, QC, Kho, CN HCM nhằm thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao.
- ❖ Đã sắp xếp màn lưới kinh doanh theo phương án khoán doanh số, định mức tồn kho, công nợ, vốn đảm bảo. Tổng số quầy bán lẻ trước phương án có 41 quầy; sau khi ban hành phương án còn 34 quầy. Công ty đã thực hiện đóng các khoản BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước.
- ❖ **Quy hoạch tổ chức lại các dây chuyền SX:**
 - Nhằm tạo điều kiện sắp xếp bố trí sản xuất hợp lý và chủ động, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, Công ty đã quy hoạch tổ chức lại các dây chuyền sản xuất, kiện toàn hoạt động của Xưởng, bổ nhiệm Giám đốc sản xuất, bổ sung cán bộ chủ chốt của Xưởng, tạo nên một khối thống nhất trong điều hành và thực hiện.
 - Các xưởng đã cải tiến lên tiến độ sản xuất hàng tuần, hàng tháng, thực hiện sản xuất đúng theo kế hoạch đưa ra. Qua theo dõi năng suất lao động tăng, lương của CBCNV được cải thiện nâng cao.

- Nhằm thực hành tiết kiệm điện, hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm, Công ty đã triển khai thực hiện quy định sản xuất theo ca mới, bố trí sản xuất tránh giờ cao điểm, phương án này đã tiết kiệm chi phí sản xuất trong bối cảnh giá điện thay đổi tăng.

❖ Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008 - Đã được tổ chức chứng nhận Worldwide Quality Assurance (WQA) đánh giá và cấp giấy chứng nhận.

❖ Đã bổ sung, sửa đổi quy chế trả lương.

b. Các biện pháp kiểm soát:

❖ HĐQT điều hành quản lý công tác Tài chính theo các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần.

❖ Ban hành Bộ quy chế công ty – Trong đó có quy chế quản lý kinh tế tài chính làm cơ sở điều hành và chế tài đối với mọi hoạt động sản xuất- kinh doanh tại văn phòng cũng như các đơn vị trực thuộc có hiệu lực từ 1/1/2010, bao gồm:

1. Quyết định của HĐQT v/v ban hành Bộ quy chế
2. Điều lệ tổ chức và hoạt động
3. Quy chế chuyển nhượng và thực hiện quyền cổ đông
4. Nội quy lao động
5. Thỏa ước lao động tập thể
6. Quy chế dân chủ
7. Quy chế làm việc của đảng ủy- Công đoàn
8. Quy chế trả lương
9. Quy chế quản lý kinh tế tài chính
10. Quyết định thành lập các Hội đồng
11. Các mẫu, biểu mẫu đính kèm (kèm theo Bộ quy chế)

❖ Tiếp tục Ban hành và bổ sung các quy định liên quan quản lý quản lý kinh tế - tài chính của Bộ quy chế năm 2010 như:

- Phương án củng cố kinh doanh thị trường
- Chấn chỉnh và thực hiện kiểm tra chặt chẽ quy trình mua sắm đầu tư tài sản cố định - công cụ lao động - văn phòng phẩm - sửa chữa lớn và nhỏ....
- Bổ sung sửa đổi Quy chế trả lương; Gắn tiền lương hàng tháng với việc bình xét năng suất lao động A-B-C và kí luật lao động, định mức kinh tế kỹ thuật, Thực hiện kế hoạch tuần/Tháng, kết quả đào tạo. Tính toán lại cơ cấu lao động tại các bộ phận sản xuất –kinh doanh, Trực tiếp- Gián tiếp-

quản lý để phân bổ quỹ lương hợp lý. Thực hiện trả lương cho người lao động đến 86% hàng tháng và thanh toán hết sau từng quý và từng năm quỹ lương đã trích (Trừ quỹ lương dự trữ bắt buộc)

- ❖ Ra các quyết định về Đầu tư tài sản, phê duyệt dự toán và quyết toán đầu tư trong công ty theo điều lệ hiện hành.
- ❖ Tiến hành thuê hợp đồng dịch vụ Kiểm toán báo cáo Tài chính năm 2010 đúng quy định
- ❖ Công ty đã thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo đúng tiến độ và quy định hiện hành .
- ❖ **Công tác Quản lý Vốn Điều lệ và Vốn KD-SX:**
 - Thực hiện công khai minh bạch Báo cáo quyết toán Tài chính tại hội nghị sơ kết quý- 6 tháng- năm và Đã tiến hành kiểm toán hoạt động sản xuất kinh doanh quyết toán tài chính đầy đủ.
 - Công tác Kiểm tra- Giám sát hoạt động quản lý KTTC:
 - HĐQT đã Quy định việc Thành lập, Kế hoạch - Nội dung - Quy trình - của đoàn kiểm tra công tác Quản lý kinh tế tài chính của Công ty, đồng thời Ban hành mẫu biên bản kiểm tra KTTC, được chính... ghi chép lại mỗi khi đi kiểm tra từng quầy, từng đơn vị.
 - Xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm QLKTTC theo quy định; Tuy nhiên tần suất thanh kiểm tra tại các đơn vị trực thuộc chưa thường xuyên
- ❖ Đầu tư nâng cấp phần mềm quản lý kinh tế tài chính toàn đơn vị cho phù hợp với luật Kế toán tài chính và quy chế được.
- ❖ Bảo đảm thực hiện đúng Quy chế và quyết định của Trung tâm lưu ký chứng khoán VN về thực hiện quyền cổ đông công khai- minh bạch
- ❖ Tạo điều kiện cho Bna kiểm soát thực hiện chức năng giám sát theo đúng Điều lệ quy định.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.:

- a. Mục tiêu tổng quát- Chiến lược phát triển: Như mục (I).(3) ở trên!
- b. Kế hoạch năm 2011 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua:

MỤC TIÊU:

1. Triển khai Dự án đầu tư góp vốn thành lập doanh nghiệp cổ phần Liên doanh nhằm mở rộng sản xuất; Nhượng quyền nhóm sản phẩm đặc trị công nghệ cao; Đạt giá trị sản lượng hàng sản xuất năm 2011 là 181 tỷ đồng, Tăng kim ngạch xuất khẩu và hội nhập quốc tế.

2. Tiếp tục hợp tác, liên kết với cổ đông chiến lược, đối tác trong và ngoài nước trong mọi lĩnh vực: Nghiên cứu - sản xuất - kinh doanh - Xuất nhập khẩu và phân phối; Phát triển thị trường trong và ngoài nước; Xây dựng và củng cố thương hiệu Doanh nghiệp.
3. Tiếp tục triển khai thực hiện hệ thống quản lý chất lượng trên cơ sở tuân thủ Quy chế Dược, Các nguyên tắc Thực hành tốt sản xuất - Bảo quản - Kiểm nghiệm - Phân phối Thuốc của Tổ chức y tế thế giới trên nền tảng cam kết áp dụng, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống tiêu chuẩn ISO 9001 - 2008.
4. Bảo đảm hoạt động sản xuất - kinh doanh tuân thủ đúng Pháp luật, có hiệu quả, đạt tỷ lệ lợi nhuận tăng trưởng tối thiểu 10% so với năm trước, đạt tỷ lệ cổ tức 18 - 20%, bảo toàn và phát triển vốn; Tích lũy để tăng giá trị cổ phiếu của Công ty và tái đầu tư mở rộng sản xuất.

❖ **Chỉ tiêu kế hoạch năm 2011 toàn công ty:**

TT	Diễn giải	ĐV tính	Thực hiện KH Năm 2010	KH 2011
I	Tổng GT mua vào	Tr.đồng	425.000	430.000
1	SX	Tr.đồng	161.820	181.000
2	Nhập khẩu	1.000 USD	10.798	10.000
3	Mua nội địa	Tr.đồng	68.000	83.000
II	Tổng giá trị bán ra theo KH	Tr.đồng	465.833	435.840
III	Nhập khẩu	1.000USD	10.798	10.000
IV	Xuất khẩu	1.000USD	183,783	400
V	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	6.886	7.200
VI	Nộp Ngân sách	Tr.đồng	13.454	13.000
VII	Lương BQ	1.000 đ	4.250	Tối thiểu 4.300

IV. Báo cáo tài chính:**1- Bảng cân đối kế toán:**

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100	294 076 645 841	267 599 002 041
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5 639 637 258	2 525 189 991
1. Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	111	358 633 312	494 197 590
2. Tiền gửi Ngân hàng	112	5 281 003 946	2 030 992 401
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	0	0
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130	158 757 056 132	155 596 060 962
1. Phải thu khách hàng	131	151 913 977 875	153 207 349 621
2. Trả trước cho người bán	132	6 472 979 577	2 886 166 087
3. Các khoản phải thu khác	135	1 118 215 771	67 273 555
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	(- 748 117 091)	(- 564 728 301)
IV- Hàng tồn kho	140	128 745 668 846	108 828 004 418
1. Hàng tồn kho	141	128 745 668 846	108 828 004 418
2. Dự phòng giảm giá tồn kho (*)	149		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	934 283 605	649 746 670
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	579 289 662	425 527 546
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	0	55 321 098
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	354 993 943	168 898 026
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200	35 490 863 688	40 241 788 488
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		
II- Tài sản cố định	220	29 490 863 688	34 241 788 488
1. Tài sản cố định hữu hình	221	29 490 863 688	34 241 788 488
- Nguyên giá	222	62 064 555 216	60 561 666 580
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(-32 573 691 528)	(-26 319 878 092)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	0	0
III- Bất động sản đầu tư	240	0	0
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6 000 000 000	6 000 000 000
1. Đầu tư vào công ty con	251		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		
3. Các khoản đầu tư dài hạn khác	253	6 000 000 000	6 000 000 000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		
V. Tài sản dài hạn khác	260		
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	250	329 567 509 529	307 840 790 529



NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- Nợ phải trả (300=310+330)	300	291 492 413 683	274 809 959 070
I- Nợ ngắn hạn	310	283 576 730 503	260 139 747 393
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	208 724 341 668	144 438 600 724
2. Phải trả người bán	312	64 477 116 283	96 092 842 531
3. Người mua trả tiền trước	313	1 188 555 909	194 525 867
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1 186 046 262	727 722 582
5. Phải trả người lao động	315	4 592 924 501	4 226 682 874
6. Chi phí phải trả	316	757 373 146	0
7. Phải trả nội bộ	317	0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	2 413 465 658	14 459 372 815
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	320	236 907 076	114 214 824
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
II- Nợ dài hạn	330	7 915 683 180	14 670 211 677
1. Vay và nợ dài hạn	334	7 284 532 844	14 249 790 244
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		
3. Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm	336	631 150 336	420 421 433
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337		
B- Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400	38 075 095 846	32 916 616 635
I. Vốn chủ sở hữu	410	38 075 095 846	32 916 616 635
1- Vốn chủ sở hữu		29 649 680 978	29 350 337 797
1.1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20 000 000 000	20 000 000 000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	412	7 600 000 000	7 600 000 000
1.3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	2 149 680 978	1 850 337 797
1.4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	(100 000 000)	(100 000 000)
2- Vốn khác chưa phân bổ		8 425 414 868	3 566 278 838
2.1. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	0	0
2.2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	1 038 890 825	1 155 463 303
2.3. Quỹ đầu tư phát triển	417	1 953 129 615	858 378 974
2.4. Quỹ dự phòng tài chính	418	0	0
2.5. Quỹ khác thuộc vốn CSH (dự trữ bắt buộc)	419	537 609 357	310 513 188
2.6. Lợi nhuận chưa phân phối	420	4 895 785 071	1 241 923 373
- Lợi nhuận trích quỹ Dự trữ	-		227 096 169
- Lợi nhuận năm trước còn lại		8 250 000	227 096 169
- Lợi nhuận phát sinh kỳ này trích PTSX & KTPL	-	4 887 535 071	1 014 827 204
Quỹ Phát triển sản xuất (Tk 414)			710 379 043
Quỹ Khen thưởng phúc lợi (Tk 431)			304 448 161
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0	0
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440	329 567 509 529	307 840 790 529

2- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	381 678 599 675	465 831 477 952
Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu		2 201 926 000	3 675 300 586
2. Các khoản giảm trừ	02	7 245 333 092	6 181 192 782
+ Giá trị hàng bán bị trả lại		6 628 269 684	6 117 131 409
+ Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu phải nộp		617 063 408	64 061 373
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 03)	10	374 433 266 583	459 650 285 170
4. Giá vốn hàng bán	11	316 074 062 308	385 232 140 193
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20	58 359 204 275	74 418 144 977
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2 317 038 791	4 491 452 616
7. Chi phí tài chính	22	19 194 224 139	27 440 661 884
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	0	
8. Chi phí bán hàng	24	26 586 207 415	32 501 301 026
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	9 278 407 295	12 130 486 896
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30	5 617 404 217	6 837 147 787
11. Thu nhập khác	31	0	49 510 455
12. Chi phí khác	32	0	0
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	0	49 510 455
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	5 617 404 217	6 886 658 242
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1 075 480 843	1 379 807 171
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	4 541 923 374	5 506 851 071
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2 271	2 753

3- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	319 966 136 680	273 928 012 308
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và d/vụ	02	(79 058 272 669)	(18 799 597 586)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(11 907 976 923)	(8 909 724 718)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(23 509 415 060)	(15 786 144 234)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(573 563 301)	(423 243 565)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	444 077 549 907	142 153 812 461
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(369 789 409 012)	(136 730 340 080)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	279 205 049 622	235 432 774 586
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		578 732 731
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	0	578 732 731
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại c/p của DN đã p/hành	32	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	51 219 260 950	21 890 626 740
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(325 575 324 020)	(261 912 870 803)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1 700 000 000)	(1 116 000 000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(276 056 063 070)	(241 138 244 063)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	3 148 986 552	(5 126 736 746)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2 525 189 991	7 652 102 510
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(34 539 285)	(175 770)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5 639 637 258	2 525 189 991

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc:

Bản giải trình này được lập ra trong phạm vi công tác kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty CP Dược TW Medipharco - Tenamyd cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Chúng tôi chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

Trong phạm vi hiểu biết của mình, chúng tôi xác nhận rằng:

a. Báo cáo tài chính:

- ❖ Chúng tôi đã hoàn thành trách nhiệm như đã nêu trong hợp đồng kiểm toán ngày 14/09/2010 về việc lập Báo cáo tài chính. Chúng tôi khẳng định là báo cáo tài chính đã được lập, trình bày trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu và theo đúng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành và các qui định có liên quan;
- ❖ Do chủng loại và số lượng hàng tồn kho quá lớn, chúng tôi không thể sử dụng giá thành chi tiết thực tế mà sử dụng đơn giá hạch toán theo giá kế hoạch cho từng loại sản phẩm khi nhập kho. Giá trị tồn kho cuối kỳ và giá vốn hàng bán được điều chỉnh theo giá thực tế vào cuối quý.
- ❖ Chúng tôi khẳng định rằng các giả định chúng tôi đã dùng để lập các ước tính kế toán là hợp lý;
- ❖ Chúng tôi đã tuân thủ tất cả các điều khoản quan trọng của các hợp đồng có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính. Không có bất kỳ hành vi không tuân thủ nào liên quan đến các yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính;
- ❖ Các yếu tố sau đây đã được ghi nhận một cách đúng đắn và trong trường hợp cần thiết các thông tin thích hợp đã được nêu ra trong phần thuyết minh báo cáo tài chính:
- ❖ Số dư và nghiệp vụ được thực hiện với các bên liên quan;
- ❖ Các tài sản được đem đi thế chấp.
- ❖ Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch hay dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong báo cáo tài chính;
- ❖ Chúng tôi không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu; và không có bất kỳ một khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;

- ❖ Công ty là chủ sở hữu tất cả các tài sản trên báo cáo tài chính và không có bất kỳ một tài sản nào đang được cầm cố, thế chấp, hoặc bị cầm giữ, ngoại trừ những tài sản được nêu trong phần thuyết minh của báo cáo tài chính;
- ❖ Tất cả các khoản nợ, cam kết vay của công ty với bên thứ ba đã được công ty hạch toán hoặc giải trình trong phần thuyết minh;
- ❖ Hiện tại công ty không có bất kỳ sự kiện nào sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hoặc phải giải trình trong phần thuyết minh;
- ❖ Ảnh hưởng của các sai sót không điều chỉnh là không đáng kể, kể cả sai sót bộ phận lẫn sai sót tổng thể.

b. Thông tin cung cấp:

- ❖ Chúng tôi đã cung cấp:
 - Tất cả thông tin liên quan đến việc lập báo cáo tài chính (sổ sách kế toán, các tài liệu, chứng từ liên quan và tất cả các biên bản họp đại hội cổ đông, HĐQT,...)
 - Thông tin bổ sung do kiểm toán yêu cầu
- ❖ Tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm toán thu thập bằng chứng kiểm toán.
 - Chúng tôi đã trình bày cho kiểm toán đánh giá của chúng tôi về rủi ro có thể dẫn đến sai sót trọng yếu do gian lận trên BCTC
 - Chúng tôi đã trình bày với kiểm toán thông tin chi tiết của các nghiệp vụ và các mối liên hệ với các bên liên quan.
- ❖ Phát động phong trào thi đua, thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng!

2. Kiểm toán độc lập:

- ❖ Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng
- ❖ Ý kiến kiểm toán độc lập: “Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược TW Medipharco – Tenamyd tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan”.

VI. Các công ty có liên quan:

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của công ty: Không
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do công ty nắm giữ: Không

a. Niêm yết: trên sàn UPCOM – Sở giao dịch chứng khoán Hà nội – Mã giao dịch MTP

- Thông báo số: 784/TB-SGDHN ngày 27/08/2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội v/v chấp thuận giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược Trung ương Medipharco-Tenamyd
- 8h00 ngày 23/9/2010, khai trương giao dịch cổ phiếu MTC trên sàn chứng khoán Upcom

a. Các sự kiện khác: Dự án đầu tư góp vốn thành lập Công ty cổ phần Liên doanh dược phẩm MEDIPHARCO TENAMYD BR R.S.L giữa 3 đối tác là:

- Công ty cổ phần dược TW Medipharco-Tenamyd.
- Công ty cổ phần Dược Mỹ phẩm Tenamyd
- Công ty TNHH Dược phẩm Bruschetti – Ytalia

❖ Dự án đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, đang đợi hoàn chỉnh hồ sơ phê duyệt Đầu tư chính thức!

2. Quá trình phát triển:

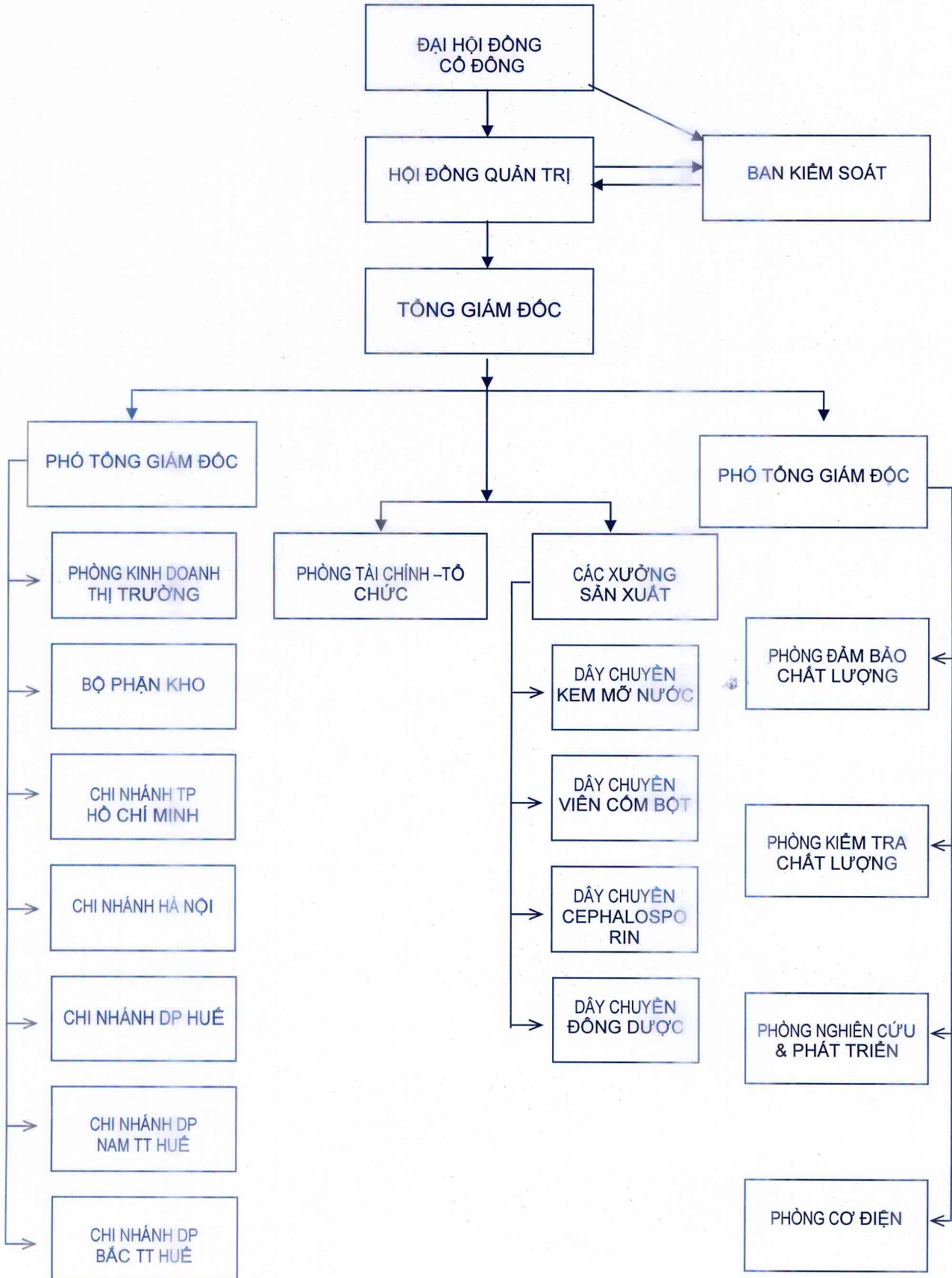
a. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh, sản xuất, xuất nhập khẩu	
2	Sản xuất Kinh doanh mỹ phẩm	20
3	Sản xuất Kinh doanh Thuốc chữa bệnh cho người, tinh dầu, hương liệu.	21
4	Kinh doanh trang thiết bị, máy móc, dụng cụ y tế.	32
5	Sản xuất Kinh doanh sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng.	46
6	Sản xuất Kinh doanh sản phẩm sinh học phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân	47
7	Sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng	
8	Sản xuất, kinh doanh rượu	11
9	Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của Pháp luật	

VII. Tổ chức và nhân sự :

1. Cơ cấu tổ chức của công ty:

❖ Sơ đồ tổ chức



- Đại hội Đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: Gồm có 08 người (03 người tham gia trực tiếp điều hành SXKD)
- Ban kiểm soát: Gồm có 04 người.
- Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng: Ban Tổng giám đốc Công ty có 03 người (01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc) và 01 Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng.
- Cơ cấu Công ty gồm:
 - + Có 7 phòng chức năng gồm: Tổ chức Tài chính, Kinh doanh thị trường, Nghiên cứu phát triển (R&D), Kiểm tra chất lượng(QC), Đảm bảo chất lượng(QA), Cơ điện, Tổng kho
 - + 02 Chi nhánh tại Hà nội và Thành phố Hồ Chí Minh; 3 Chi nhánh tại Thừa Thiên Huế với 35 quầy bán buôn, bán lẻ.
 - + 03 phân xưởng sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP WHO

2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

2.1- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên	Phan Thị Minh Tâm
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	07/07/1956
Nơi sinh	Hải Phòng
Số CMTND	191508810 ngày cấp: 21/9/1999
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phú Vang, Thừa Thiên, Huế
Địa chỉ thường trú	106 Nguyễn Trường Tộ, thành phố Huế
Điện thoại liên lạc cơ quan	054 3823 768
Điện thoại di động	0913425280
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ đại học - CKI
Trình độ lý luận	Cử nhân Chính trị
Quá trình công tác	
Từ năm 1978 – 1979	Cán bộ Sở Y tế Bình Trị Thiên
Từ năm 1978 – 1982	Bệnh viện Đông y Bình Trị Thiên
Từ năm 1982 – 1992	Phó Giám đốc Công ty dược phẩm Tp Huế
Từ năm 1992 – 1998	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế Thừa Thiên Huế
Từ năm 2/1998 – 12/2005	Giám đốc Công ty Dược Trung ương Huế

Từ năm 01/2006 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược Trung ương MEDIPHARCO-TENAMYD
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược Trung ương MEDIPHARCO-TENAMYD
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	42.670 cổ phiếu
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Nguyễn Phan Xuân Anh - con ruột	200 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

2.2- Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Thị Kim Dung
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	06/09/1965
Nơi sinh	Quảng Ninh
Số CMTND	190813705 ngày cấp 14/3/2005
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Điền Hải, Phong Điền, Thừa Thiên, Huế
Địa chỉ thường trú	2/176 Phan Chu Trinh, Huế
Điện thoại liên lạc c/quan	054 3822 704
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ đại học
Trình độ lý luận	Sơ cấp chính trị
Quá trình công tác	
- 1987 – 1985	Công ty dược phẩm Thành phố Huế
- 1995 – 1998	Xí nghiệp Liên hiệp Dược Thừa Thiên Huế
- 1998 – 2001	Đại học Dược, trường Đại học Y Huế
- 2001- 2003	Trưởng phòng Marketing -XNK - Công ty Dược Trung ương Huế
- 2003 – 2005	Đảng ủy viên, Chủ tịch Công đoàn, Phó giám đốc Công ty Dược Trung ương Huế
- 2006 – nay	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược Trung ương MEDIPHARCO-TENAMYD, Đảng ủy viên, Chủ tịch Công đoàn
Chức vụ công tác hiện nay:	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược Trung ương MEDIPHARCO-TENAMYD, Đảng ủy viên, Chủ tịch Công đoàn

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	29.170 cổ phiếu
Được ủy quyền đại diện	300.000 cổ phiếu (của Tổng Công ty dược Việt nam)
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Vũ Hoài Anh - con ruột	11.295 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

2.3- Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Phạm Thị Bình
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	09/11/1956
Nơi sinh	Võ Ninh, Quảng Bình
Số CMTND	191153152 ngày cấp: 16/03/2010
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Võ Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình
Địa chỉ thường trú	Thôn Thượng I, Thủy Xuân, Huế
Điện thoại liên lạc c/quan	054 3845 094
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ đại học
Trình độ lý luận	Trung cấp chính trị
Quá trình công tác	
1975 – 09/1980	Sinh viên trường Đại học Dược Hà Nội
12/1980 – 1992	Cán bộ C/ty Dược phẩm Bình Trị Thiên
1983 – 7/1989	Cán bộ phòng Kế hoạch kinh doanh xí nghiệp liên hợp dược phẩm Bình Trị Thiên
8/1989 – 1991	Phó phòng Kế hoạch kinh doanh xí nghiệp Dược phẩm Thừa Thiên
10/1991 – 09/1998	Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Dược phẩm Thừa Thiên – Huế
10/1998 – 2005	Phó Giám đốc Công ty Dược Trung ương Huế
2006 – nay	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược Trung ương MEDIPHARCO-TENAMYD
Chức vụ công tác hiện nay	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược Trung ương MEDIPHARCO-

	TENAMYD
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	29.920 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: Không

4. Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc:

STT	Họ tên ban Tổng Giám đốc	Chức danh	Tiền lương	Lợi ích khác
1	Phan Thị Minh Tâm	Tổng Giám đốc	222.678.000	Không
2	Phạm Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc	182.534.500	Không
3	Nguyễn Thị Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc	185.088.500	Không

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

5.1- Số lượng cán bộ công nhân viên lao động:

- Tổng số lao động có đến 31/12/2010: 275 người. Trong đó nữ: 153 người

- Các hình thức hợp đồng hiện tại:

+ Cán bộ lãnh đạo : 04 người

+ Hợp đồng không xác định thời hạn : 197 người

+ Hợp đồng có thời hạn : 74 người

- Cơ cấu lao động:

+ Lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh : 209 người

+ Lao động phục vụ : 42 người

+ Lao động quản lý : 34 người

- Phân loại chất lượng lao động:

- Trên đại học : 04 người

Trong đó:

+ Thạc sĩ : 03 người

+ DS CKI : 01 người

- Cán bộ có trình độ đại học : 81 người

Trong đó:

+ Đại học Y	: 02 người
+ Đại học dược	: 28 người
+ Đại học khác	: 51 người
➤ Đại học khối kinh tế	: 37 người
➤ Đại học khối kỹ thuật	: 08 người
➤ Đại học ngoại ngữ	: 04 người
➤ Công nghệ thông tin	: 02 người

- Cán bộ trung học : 134 người

Trong đó:

+ Cao đẳng	: 05 người
+ Trung học Y	: 02 người
+ Trung học dược :	: 119 người
+ Trung học khác:	: 8 người

- Công nhân kỹ thuật và sơ cấp dược : 56 người

Trong đó:

+ Sơ cấp dược	: 32 người
+ Công nhân KT Dược	: 24 người

5.2- Chính sách đối với người lao động:

- + Công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật
- + Xây dựng và thực hiện Quy chế lương trong toàn Công ty theo đúng quy định. Thu nhập bình quân năm 2010 là 4.365.000 đ, ngày công bình quân 27,5/ người/tháng.
- + Tổ chức đào tạo (tự đào tạo, cử đi đào tạo), kiểm tra đánh giá kiến thức, tay nghề, kỹ năng hàng năm cho CBCNVLĐ.
- + Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định.

6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:

- ❖ Hội đồng quản trị: tại Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2 (năm 2010) đã bầu ra HĐQT nhiệm kỳ 2. Sự thay đổi như sau
 - Không còn là thành viên HĐQT: Bà Trần Thị Hồng Bé
 - Thành viên HĐQT mới: Hoàng Ngọc Hoài phong
- ❖ Ban Kiểm soát: Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2 (năm 2010) đã bầu ra BKS nhiệm kỳ 2. Sự thay đổi như sau
 - Không còn là thành viên BKS: Ông Hoàng Ngọc Hoài Phong
 - Thành viên BKS mới: Ông Lã Thành Lê, Bà Võ Thị Bích

VIII. Thông tin cổ đông góp vốn và Quản trị công ty

1- Hội đồng quản trị, Chủ tịch và Ban kiểm soát:

a- Thành viên và cơ cấu:

- ❖ Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị gồm có 08 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ II Công ty CP Dược TW Medipharco-Tenamyd bầu ra. Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
2	Bà: Phạm Thị Bình	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
3	Bà: Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
4	Ông: Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên HĐQT - Giám đốc Tài chính -
5	Ông Tôn Thất Tâm	Thành viên HĐQT - GD sản xuất- TP.KDĐT
6	Hoàng Thị Hồng Phượng	Thành viên HĐQT - GD chất lượng, TP.QA
7	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT - Giám đốc CN Hồ Chí Minh
8	Bùi Tường Nhật	Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập không điều hành)

- ❖ Ban kiểm soát: Ban kiểm soát gồm có 04 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ II Công ty CP Dược TW Medipharco-Tenamyd bầu ra.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Bà: Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban Kiểm soát - Phó phòng TCTC
2	Bà: Võ Thị Bích	Thành viên BKS - Trưởng phòng NCPT
3	Ông: Lê Tuấn Thanh	Thành viên BKS - Nhân viên phòng TCTC
4	Ông: Lã Thành Lê	Thành viên HĐQT - Kế toán CNHCM

b- Hoạt động của HĐQT:

- HĐQT đã tuân thủ quy định tại Điều lệ về việc tổ chức họp và ban hành Nghị quyết. HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ và đột xuất, có sự tham dự mở rộng của Ban kiểm soát để ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Phương án, giải pháp điều hành quản lý hoạt động của công ty cổ phần.
- Năm 2010, Hội đồng quản trị đã tổ chức 13 phiên họp và ban hành 13 Nghị quyết. Cụ thể
 - + Ban hành Bộ Quy chế của Doanh nghiệp.
 - + Kế hoạch Tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ lần thứ 2 (2010-2015) và Sửa đổi Điều lệ lần thứ 2
 - + Thông qua các báo cáo trình bày tại đại hội CD nhiệm kỳ 2.
 - + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ lần thứ 2 (2010-2015)
 - + Nghị quyết v/v điều hành kế hoạch SX-KD Quý- 6 tháng- Năm.
 - + Nghị quyết v/v tăng hạn mức vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội chi nhánh Bắc Sài Gòn và Ủy quyền cho bà: Phan Thị Minh Tâm - Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc làm các thủ tục kí kết hợp đồng vay vốn tại ngân hàng Quân đội - Chi nhánh bắc Sài gòn.
 - + Nghị quyết v/v lập thủ tục giao dịch và hạn mức vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu (EXIMBANK) chi nhánh Huế và Ủy quyền cho bà : Phan Thị Minh Tâm - Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc làm các thủ tục kí kết hợp đồng vay vốn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu (EXIMBANK) chi nhánh Huế

- + Nghị quyết v/v Đăng kí bổ sung thêm ngành nghề trong giấy đăng kí kinh doanh của Công ty CP dược TW Medipharco-Tenamyd: Kinh doanh và Sản xuất Rượu; Kinh doanh và Sản xuất Thực phẩm chức năng
 - + Nghị quyết v/v biểu quyết thông qua Nội dung Hồ sơ (Và chỉnh sửa hồ sơ) góp vốn thành lập công ty cổ phần Liên doanh sản xuất kinh doanh dược phẩm tại tỉnh Thừa Thiên Huế (Đơn đăng kí; Hợp đồng; Dự án; và các tài liệu liên quan khác theo quy định) và ủy quyền DS. Phan Thị Minh Tâm kí Hồ sơ Liên doanh.
 - + Nghị quyết v/v phê duyệt Mục tiêu- Chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất – kinh doanh tổng thể và chi tiết kế hoạch phát triển năm 2011.
 - Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động, trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kì lần thứ 2 (2010-2015) và các Nghị quyết HĐQT đã ban hành, tập thể HĐQT cùng với sự giám sát của ban kiểm soát đã phân công và phối hợp các Thành viên HĐQT triển khai các hoạt động quản lí - điều hành công ty; Giao cho Tổng giám đốc triển khai cụ thể hóa các hoạt động theo đúng Điều lệ quy định và chủ trương của HĐQT.
 - Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành của Công ty là thành viên đại diện cho Công ty cổ phần Te Nam Y Dược. Thành viên này tham gia ý kiến đầy đủ các nội dung cuộc họp HĐQT (trực tiếp hoặc bằng văn bản) và rất có trách nhiệm trong việc thảo luận, phát biểu ý kiến của mình về vấn đề mà cuộc họp bàn bạc. Đặc biệt thành viên trên còn có nhiều ý kiến đóng góp về chiến lược thị trường, sản phẩm cho hoạt động của Công ty.
- c- Hoạt động của Ban kiểm soát**
- Với chức năng - nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Trên cơ sở đó, từng thành viên luôn bám sát tình hình thực tế để giám sát hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc, cũng như xem xét tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và tính cần trọng trong quản lí, điều hành Công ty.
 - Trên cơ sở nắm bắt tình hình thực tế, Ban kiểm soát tiến hành họp và đề xuất những kiến nghị cho HĐQT, cổ đông để sửa đổi, bổ sung nếu thấy chưa hợp lý.
- d- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty**
- e- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát:**

STT	Họ và tên thành viên HĐQT, BKS	Chức danh	Thù lao	Lợi ích khác
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch HĐQT	34.000.000	Không
2	Bà: Phạm Thị Bình	Thành viên	18.000.000	Không
3	Bà: Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên	18.000.000	Không
4	Ông: Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên	18.000.000	Không
5	Ông Tôn Thất Tâm	Thành viên	18.000.000	Không
6	Hoàng Thị Hồng Phượng	Thành viên	18.000.000	Không
7	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên	14.200.000	Không
8	Bùi Tường Nhật	Thành viên	18.000.000	Không
9	Bà: Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng BKS	11.000.000	Không
10	Bà: Võ Thị Bích	Thành viên	4.000.000	Không
11	Ông: Lê Tuấn Thanh	Thành viên	6.200.000	Không
12	Ông: Lã Thành Lê	Thành viên	4.000.000	Không
	Cộng		181.400.000	

- f- Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:
- g- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2010		Cuối năm 2010	
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch	42.670	2,13	42.670	2,13
2	Bà: Phạm Thị Bình	Thành viên	29.920	1,5	29.920	1,5
3	Bà: Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên	29.170	1,46	29.170	1,46
4	Ông: Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên	29.550	1,03	19.550	0,98
5	Ông Tôn Thất Tâm	Thành viên	22.960	1,15	22.960	1,15
6	Hoàng Thị Hồng Phượng	Thành viên	20.460	1,02	20.460	1,02
7	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên	10.000	0,5	10.000	0,5
8	Bùi Tường Nhật	Thành viên	0		44.000	2,2



b. Tình hình hoạt động:

Trải qua 35 năm hình thành, hoạt động và phát triển, Công ty cổ phần Dược TW Medipharco-Tenamyd đã từng bước vượt qua bao khó khăn, thử thách, thăng trầm để tồn tại và phát triển, khẳng định được vai trò của mình trong sự nghiệp phát triển ngành y tế và ngành dược, góp phần chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, đặc biệt là giai đoạn từ 2006 đến nay.

Những thành tích nổi bật của đơn vị trong giai đoạn 2006 - 2010 thể hiện trước hết công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị, hoàn thành vượt mức toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm, các số liệu về chỉ tiêu tài chính đạt được trong những năm qua đã chứng minh mục tiêu phương hướng của đơn vị là hoàn toàn đúng đắn, tinh thần dũng cảm vượt khó cùng với ý thức phấn đấu kiên cường của tập thể đơn vị đã vực một doanh nghiệp từ khó khăn, thua lỗ, đời sống việc làm thiếu ổn định .. đã từng bước ổn định lại và phát triển bền vững với tốc độ tăng trưởng tổng doanh thu năm 2010 đạt 465 tỷ - gấp 4 lần/1999 và tăng 150% so với năm 2006, đặc biệt là mục tiêu phấn đấu tăng trưởng doanh thu hàng sản xuất từ chỗ chỉ đạt 4 tỷ đồng (năm 1998) đã tăng lên 48 tỷ/2006 (12 lần) và đạt doanh thu 161 tỷ đồng trong năm 2010 (tăng gấp 40 lần), đạt mức tăng trưởng quân bình mỗi năm trên 22%. Theo tốc độ tăng trưởng doanh thu, đơn vị đã hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước ngày càng tăng, đạt > 60 tỷ đồng trong 5 năm từ 2006-2010; Con số này tuy còn khiêm tốn nhưng ý nghĩa vô cùng to lớn, là thành quả vượt khó của hàng trăm người lao động.

Do phát triển sản xuất - kinh doanh và làm ăn có hiệu quả, đơn vị đã thu hút thêm một lực lượng lao động của xã hội nâng tổng số lao động trung bình khoảng 300 lao động mỗi năm. Đời sống việc làm của người lao động ổn định, thu nhập bình quân năm 2010 đạt 4,3 triệu đồng/người/tháng; Tăng 2,2 lần so với năm 2006, người lao động thực sự phấn khởi, yên tâm sản xuất, gắn bó dốc sức mình cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thân thể, bảo hiểm thất nghiệp và các chính sách chế độ cho người lao động theo luật định

Mạng lưới cung ứng thuốc của đơn vị ngày càng được củng cố và phát triển, đáp ứng nhu cầu thuốc cho các cơ sở phòng bệnh - khám chữa bệnh của TW, Ngành, Y Tế địa phương, đồng thời bảo đảm cho yêu cầu dự trữ thiên tai, bão lụt, dịch bệnh.... Mạng lưới cung ứng ngoại tỉnh mở rộng phủ đến 59/61 tỉnh thành phố, tham gia đấu thầu - chào giá - hợp đồng cung ứng thuốc cho các Viện - Bệnh viện TW - Chương trình Y Tế quốc gia - Bệnh viện tỉnh huyện trên toàn quốc.

Với mục tiêu của chính sách chất lượng là “ sản xuất ra các sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn - hiệu quả cho người bệnh”, tính đến năm 2007 Công ty đã đầu tư và hoàn thiện đưa vào hoạt động phòng kiểm nghiệm đạt chuẩn GLP, kho bảo quản đạt chuẩn GSP, 03 dây chuyền sản xuất thuốc đạt chuẩn “ Thực hành tốt sản

h- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

❖ Của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Mua cổ phiếu	Chuyển nhượng CP
1	Ông: Nguyễn Minh Ngọc	TV HĐQT		10.000
2	Bùi Tường Nhật	TV HĐQT	44.000	
3	Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng BKS		5.000
4	Lê Tuấn Thanh	BKS		15.000

❖ Giao dịch cổ phiếu của những người liên quan Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát

STT	HỌ VÀ TÊN		Mua cổ phiếu	Chuyển nhượng CP
	HDQT, BKS, BTGD	Người liên quan		
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Nguyễn Phan Xuân Anh - Con	200	
2	Bà: Nguyễn Thị Kim Dung	Vũ Hoài Anh - Con		200
3	Ông: Nguyễn Minh Ngọc	Lê Thị Thu - Vợ	10.000	
4	Lê Tuấn Thanh	Hoàng Thị Quỳnh Giao - Vợ	15.000	800
5	Nguyễn Thị Thanh Yên	Hồ Thị Thảo Ngân - Con	5.000	

i- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Trong năm 2010 có ký hợp đồng mua bán với Công ty CP dược phẩm Tenam Y Dược

2/ Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Công đồng/thành viên góp vốn Nhà nước:

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông Nhà nước

Tổng Công ty Dược Việt Nam : 300.000 CP chiếm tỷ lệ 15% vốn điều lệ

Địa chỉ: 138B Giảng Võ- Hà Nội

GPKD 11336 ngày 23/10/1996 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp.

Ngành nghề KD:

- Doanh nghiệp bán buôn thuốc; Doanh nghiệp sản xuất thuốc; Các loại hình cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho con người);
- Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho con người);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Sản xuất thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, chất diệt khuẩn, khử trùng dùng cho người. Kinh doanh thực phẩm chức năng;
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- In ấn; Dịch vụ liên quan đến in; Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh

- Thông tin về cổ đông lớn:

Công ty cổ phần Dược phẩm Te Nam Y Dược: 600.000 CP chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ

Địa chỉ: Lô Y01-02A, Đường Tân Thuận- Khu Công nghiệp thuộc khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
GPKD số 4103007555 ngày 14/8/2007 do Sở KHĐT tp Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề KD: Sản xuất thuốc. Sản xuất mua bán nguyên liệu sản xuất thuốc, hóa mỹ phẩm, lương thực-thực phẩm, trang thiết bị y tế, máy móc-thiết bị-phụ tùng vật tư, nguyên liệu, hương liệu ngành công nghiệp, hàng nông lâm thủy hải sản, công nghệ phẩm, hàng kim khí điện máy, hàng thủ công mỹ nghệ, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất (không sản xuất hóa mỹ phẩm, vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm tươi sống, gia công cơ khí, chế biến, tái chế biến phế thải, xi mạ điện, sản xuất gốm - sứ thủy tinh tại trụ sở). Dịch vụ nghiên cứu thị trường, quảng cáo thương mại, dịch vụ tiếp thị. Bán buôn, bán lẻ thuốc. Dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc. Mua bán mỹ phẩm, kinh doanh bất động sản.

2.2. Cổ đông góp vốn sáng lập:

- Thông tin về cơ cấu cổ đông sáng lập

+ Là tổ chức:

Tổng Công ty Dược Việt Nam : 300.000 CP chiếm tỷ lệ 15% vốn điều lệ

Địa chỉ: 138B Giảng Võ- Hà Nội

GPKD 11336 ngày 23/10/1996 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp

+ Là cá nhân:

STT	Tên cổ đông	Năm sinh	Địa chỉ	Nghề nghiệp	Đầu năm		Cuối năm	
					Số CP	Tỷ lệ%	Số CP	Tỷ lệ %
1	Phan Thị Minh Tâm	1956	106 Nguyễn Trường Tộ, Huế	Tổng Giám đốc	42.670	2,13	42.670	2,13
2	Trần Thị Hồng Bé	1953	72D Hai Bà Trưng, Huế	Giám đốc Chi nhánh	37.910	1,89	37.970	1,89
3	Phạm Thị Bình	1956	Thôn Thượng I, Thủy Xuân, Huế	Phó Tổng GD	29.920	1,5	29.920	1,5
4	Nguyễn Minh Ngọc	1960	180A Trần Phú, Huế	Giám đốc tài chính	20.550	1,03	19.550	0,98
5	Nguyễn Thị Kim Dung	1965	2/176 Phan Chu Trinh, Huế	Phó Tổng GD	29.170	1,46	29.170	1,46

Huế, ngày 19 tháng 4 năm 2011
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi gửi

- UBCK Nhà nước
- Sở GDCK Hà nội
- HDQT, BKS
- Đăng tải trên Web Công ty



DS. Phan Thị Minh Tâm



xuất thuốc” (GMP WHO) của Tổ chức y tế Thế giới; có nhiều sản phẩm mới thay thế một phần thuốc ngoại nhập, góp phần bình ổn giá thuốc trên thị trường.

Đơn vị hết sức chú trọng đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển KHCN, ứng dụng công nghệ mới vào quy trình sản xuất tại công ty. Đã có trên 100 đề tài cấp cơ sở và 6 đề tài / Dự án cấp Bộ Y Tế và cấp Nhà nước , với kết quả được cấp SĐK mới sản xuất và lưu hành cho trên 150 sản phẩm. Đề tài ứng dụng công nghệ sản xuất thuốc dưới dạng gel đã có sản phẩm xuất khẩu quốc tế, được Bộ Y Tế nghiệm thu và trao giải ba hội thi sáng tạo KHCN tỉnh TT.Huế. Đề tài cấp Bộ nghiên cứu sản xuất thuốc mỡ mắt và kem bôi da chứa hoạt chất Mangiferin chiết xuất từ lá xoài đã được Bộ Y Tế nghiệm thu và cấp SĐK sản xuất lưu hành, được trao giải nhì hội thi sáng tạo KHCN tỉnh TT.Huế. Đã triển khai thành công Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước về “ Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất thuốc mỡ chữa bỏng Glodese SH91 đi từ dược liệu trong nước. Đã có nhiều sản phẩm mới chiếm lĩnh thị trường, thay thế một phần thuốc ngoại nhập, góp phần bình ổn giá thuốc như nhóm điều trị mắt, kem mỡ bôi da với hoạt chất kháng viêm, kháng virút, kháng nấm, chữa bỏng... nhóm sản phẩm thuốc đặt đã cung cấp nhiều năm cho chương trình dự án dân số, sức khoẻ sinh sản cho nhiều tỉnh trên toàn quốc, nhóm sản phẩm rượu - trà - viên nang, khai thác từ bài thuốc cổ truyền “Minh Mạng thang” được thị trường trong và ngoài nước ưu chuộng.

Trong quá trình đầu tư phát triển cũng như tổ chức các hoạt động sản xuất - kinh doanh đơn vị luôn có ý thức giữ gìn bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải, rác thải, hệ thống PCCC cho các dây chuyền sản xuất với giá trị trên 1 tỷ đồng.

Doanh nghiệp có đội ngũ nhân lực có năng lực, kinh nghiệm và tràn đầy tâm huyết đối với sự phát triển của Công ty nói riêng và của ngành dược Việt nam nói chung, cùng với cơ sở vật chất kỹ thuật đạt chuẩn quốc tế (GMP- WHO, GSP, GLP, GDP, GPP) và các trang thiết bị dây chuyền hiện đại, Công ty CP Dược TW Medipharco – Tenamyd luôn sẵn sàng hội nhập quốc tế để mở rộng thị trường.

Doanh nghiệp Chú trọng đầu tư Cơ sở vật chất, công nghệ, thiết bị mới đạt các chuẩn mực quốc tế; Đồng thời tối ưu hóa giải pháp bảo vệ môi trường làm việc cho người lao động và môi trường sinh thái .

Là doanh nghiệp hàng đầu tại Việt nam có nhóm sản phẩm thuốc Kem- Mỡ- gel đa dạng phong phú- chất lượng tốt cung cấp cho ngành Da liễu- Bỏng –Mắt trên toàn quốc và chiếm tỷ trọng chủ yếu trong kim ngạch xuất khẩu thuốc chữa bệnh của đơn vị. Doanh nghiệp có nhóm sản phẩm thuốc kháng sinh Viên-Cốm Bột được sản xuất nhượng quyền từ Tenamyd Canada có khả năng cạnh tranh cung cấp trên thị trường khám chữa bệnh.

➤ **Tốc độ tăng trưởng:**

- + Doanh thu hàng sản xuất: Doanh thu sản xuất qua 5 năm từ 2006 đến 2010 đã tăng trưởng 3,34 lần - Tỷ lệ tăng trưởng trung bình đạt > 30%.
- + Lợi nhuận năm 2010 tăng gấp 4 lần 2006 – Đạt tỷ lệ tăng trưởng trung bình 4 năm đạt 27,5 % / năm.
- + Nộp Ngân sách theo đúng luật định – Tăng trưởng theo tỷ lệ doanh thu hàng năm.

3. Định hướng phát triển:

3.1/. Mục tiêu tổng quát:

1/. Mở rộng hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết với đối tác trong và ngoài nước trong mọi lĩnh vực: Nghiên cứu - sản xuất – kinh doanh – Xuất nhập khẩu và phân phối; Phát triển thị trường trong và ngoài nước; Xây dựng và củng cố thương hiệu Doanh nghiệp; Hội nhập quốc tế và khu vực.

2. Khai thác tối đa các dây chuyền sản xuất đã đầu tư theo tiêu chuẩn GMP; Phân đầu giá trị sản lượng hàng sản xuất tăng trưởng từ 15- 20%/năm; Triển khai áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến.

3/. Tiếp tục đầu tư phát triển các dây chuyền sản xuất thuốc theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa

4/ Kiện toàn Hệ thống Quản lý chất lượng trên mọi hoạt động của đơn vị.

5/.Kiện toàn hoạt động sản xuất - kinh doanh theo hướng có hiệu quả, Tỷ lệ lợi nhuận tăng trưởng cao, đảm bảo hài hòa lợi ích cổ đông, tích lũy để tăng giá trị cổ phiếu của công ty và tái đầu tư mở rộng sản xuất

6/ Hoàn thành Dự án Hợp tác thành lập Công ty cổ phần liên doanh Dược phẩm Medipharco Tenamyd BR s.r.l. tại tỉnh Thừa Thiên Huế theo Luật Đầu tư của 3 doanh nghiệp:

- Công ty cổ phần dược TW Medipharco-Tenamyd.
- Công ty cổ phần Dược Mỹ phẩm Tenamyd
- Công ty TNHH Dược phẩm Bruschetti – Ytalia

3.2/ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

a. Tiếp tục đầu tư theo hướng công nghiệp hóa- Hiện đại hóa vào lĩnh vực sản xuất thuốc với công nghệ cao, sử dụng các kỹ thuật bào chế mới, sản xuất các thuốc đặc trị, nhượng quyền của nước ngoài kịp thời và đủ thuốc có chất lượng, giá cả hợp lý, sử dụng an toàn - hiệu quả, phát triển mạng lưới cung ứng thuốc đạt chuẩn GPs để phục vụ sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Đồng thời với việc phát triển dịch vụ trong lĩnh vực dược phù hợp với cam kết của WTO.

- b. Liên doanh thành lập một tổ chức kinh tế với mô hình hoạt động của Công ty cổ phần để phát triển mở rộng sản xuất Kinh doanh Dược phẩm tại Tỉnh Thừa Thiên Huế của Công ty Cổ phần Dược TW Medipharco-Tenamyd và Công ty cổ phần dược mỹ phẩm Tenamyd tại Việt nam với Công ty TNHH Bruchutstini của Italia, phù hợp với Luật đầu tư, các chính sách kinh tế, y tế - xã hội của Đảng và Chính phủ, mang lại hiệu quả cao cho các Công ty Liên doanh, hiệu quả cho xã hội. Phát huy tiềm năng, thế mạnh về nhân lực, vốn, khoa học công nghệ từ các bên liên doanh để nâng cao năng lực sản xuất thuốc trên các dây chuyền sản xuất đạt chuẩn GMP WHO. Tiếp nhận, triển khai sản xuất các sản phẩm chuyên khoa đặc trị từ đối tác liên doanh Ý.
- c. Xây dựng và củng cố Thương hiệu của Doanh nghiệp, của Liên doanh; Xây dựng chiến lược sản phẩm cho từng dây chuyền theo các kênh điều trị và kênh OTC theo nguyên tắc có giá trị cao, sản lượng lớn và có lợi nhuận. Phát triển và mở rộng thị phần phân phối thuốc tại Việt nam và xuất khẩu. Hội nhập kinh tế quốc tế.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm....):

Nền kinh tế - xã hội nước ta vẫn còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới vừa thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng, những thách thức khi hội nhập, thiên tai nắng nóng, dịch bệnh xảy ra thường xuyên ... đã tác động đến hoạt động chung của xã hội, của ngành dược nói chung trong đó có Công ty.

Sự biến động của thị trường, giá cả nguyên vật liệu, bao bì tăng cao vào cuối năm, ngân hàng đã tăng lãi suất cho vay, tỉ giá ngoại tệ tăng cao, làm khó khăn hơn cho công tác sản xuất – kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp

Trong bối cảnh như vậy, Hội đồng quản trị đã đoàn kết phối hợp rất tốt với Ban Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn, hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2 (2010-2015) và năm 2010

Cụ thể:

- ❖ Doanh thu sản xuất đạt 161,82 tỷ đồng, đạt 104,4 % kế hoạch năm, tăng 21,1% so với thực hiện cùng kỳ năm 2009, đạt mục tiêu của nghị quyết ĐHĐCĐ nhiệm kỳ II đề ra.
- ❖ Doanh số bán ra đạt 465,8 tỷ đồng, đạt 115,0 % so với kế hoạch năm, tăng 22,6% so với thực hiện cùng kỳ năm 2009.
- ❖ **Phát triển mạng lưới kinh doanh:** Công ty đã chú trọng tập trung củng cố và mở rộng thị trường trên toàn quốc, nâng đầu mối từ 265 /năm 2009 lên gần 300 bao gồm cả thị trường OTC và ETC . Củng cố lại mạng lưới kinh doanh tại

Tỉnh Thừa Thiên Huế theo các tiêu chí cơ sở vật chất đảm bảo kinh doanh và từng bước thực hiện GPP theo lộ trình của Bộ Y tế.

- ❖ **Chiến lược sản phẩm:** Tập trung sản xuất hàng nhượng quyền, hàng xuất khẩu, hàng bao tiêu, hàng có giá trị cao, có lợi nhuận.
- ❖ **Xuất - Nhập Khẩu:**
 - Nhập khẩu: Năm 2010, Công ty đã nhập khẩu 10.798.776 USD (Chủ yếu nhập khẩu trực tiếp), đạt 120 % kế hoạch năm, tăng 15,4 % so với thực hiện cùng kỳ 2009.
 - Xuất khẩu: Công tác sản xuất hàng xuất khẩu phụ thuộc vào đối tác nước ngoài, năm 2010 đã xuất khẩu được 183.783 USD, tăng 48,7 % so với thực hiện cùng kỳ 2009. Tổng số SĐK nước ngoài được cấp 19 sản phẩm/ 32 hồ sơ đã gửi.
- ❖ **Lợi nhuận thực hiện năm 2010:** Đạt 6,886 tỉ đồng, đạt 100,9 % kế hoạch năm, tăng 21,9 % so với thực hiện năm 2009
- ❖ **Cổ tức năm 2010 được biểu quyết của ĐHĐCĐ: 20%**
- ❖ **Đầu tư phát triển:**
 - Đã triển khai lập dự án đầu tư góp vốn thành lập liên doanh sản xuất – Kinh doanh dược phẩm giữa 3 đối tác: Medipharco - Tenamyd và Brutchetini Ytalia theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kì 2(2010-2015), được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt chủ trương đầu tư và chuẩn bị hoàn tất hồ sơ trình cấp thẩm quyền ra quyết định.
 - Áp dụng hệ thống quản lí chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008 - Đã được tổ chức chứng nhận Worldwide Quality Assurance (WQA) đánh giá và cấp giấy chứng nhận.
 - Tiếp tục kế hoạch đầu tư cơ sở phân phối thuốc đạt chuẩn GPs Đầu tư thiết bị máy móc sản xuất – kiểm nghiệm – nghiên cứu, phương tiện văn phòng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và sản phẩm sản xuất kinh doanh từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và vay tín dụng với TTG khoảng 3,5 tỷ đ
- ❖ **Khoa học công nghệ:** Được cấp 10 SĐK thuốc trong nước, 19 SĐK nước ngoài và 18 SĐK lại. Nghiệm thu Dự án SX thử nghiệm cấp Nhà nước đạt loại khá.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận):

Chỉ tiêu	TH N2009 (tr.đồng)	KH N2010 (tr.đồng)	TH N2010 (tr.đồng)	So sánh (%)	
				So với TH2009	So với KH 2010
1. Doanh thu bán hàng	381 679	405 000	465 831	122.05%	115.02%
2. Doanh thu thuần	374 433	401 000	459 650	122.76%	114.63%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	5 617	6 800	6 887	122.60%	101.27%
4. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1 075	1 360	1 380	128.30%	101.46%
5. Lợi nhuận sau thuế TNDN	4 542	5 440	5 507	121.24%	101.23%

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...)

- ❖ Lập Dự án đầu tư góp vốn thành lập công ty cổ phần Liên doanh dược phẩm sản xuất kinh doanh thuốc tại tỉnh Thừa Thiên Huế bằng tài sản cố định trị giá góp vốn là 30 tỷ đồng VN – Đang đợi hoàn tất hồ sơ để phê duyệt.
- ❖ Đầu tư thiết bị Sản xuất- Kiểm nghiệm – Phương tiện phục vụ sản xuất kinh doanh giá trị 3,5 tỷ đồng.
- ❖ Xây dựng đồng thời 2 chiến lược kinh doanh tại thị trường OTC và ETC
- ❖ Có thêm 10 sản phẩm mới được cấp số đăng kí – Trong đó có 01 sản phẩm sản xuất nhượng quyền của Cuba có nguồn gốc tái tổ hợp gen
- ❖ Phát triển thêm 30 đối tác và thị trường mới trong nước
- ❖ Xúc tiến mở thêm thị trường xuất khẩu tại 2 nước: Myanmar và Cambodia

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)

- ❖ Mục tiêu trong năm 2011 sẽ có Quyết định phê duyệt đầu tư thành lập Công ty cổ phần Liên doanh dược phẩm Medipharco Tenamyd BR R.S.L nhằm phát huy tối đa công suất nhà máy, tăng giá trị sản lượng hàng hóa, mở rộng và tăng sản lượng nhóm sản phẩm sản xuất nhượng quyền – Đặc biệt là bổ sung nhóm thuốc đặc trị nhỏ mắt với công nghệ tiên tiến và thương hiệu của doanh nghiệp sản xuất dược phẩm thuộc nhóm G7 – Tạo lợi thế cạnh tranh sản phẩm tại thị trường dược phẩm Việt Nam.
- ❖ Phát triển tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu thuốc thêm 1 đối tác mới tại thị trường Nigeria, Thị trường Myanmar và Cambodia
- ❖ Mở rộng và phát triển đối tác & Thị trường trong nước tăng thêm tối thiểu 10% so với 2010

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2009	Năm 2010
Cơ cấu vốn			
- Tài sản cố định & đầu tư dài hạn / Tổng số tài sản	%	13.07 %	10.77 %
- Tài sản lưu động / Tổng số tài sản	%	86.93 %	89.23 %
Tỷ suất lợi nhuận			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / doanh thu	%	1.19 %	1.18 %
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / tổng tài sản	%	1.48 %	1.67 %
Tình hình tài chính:			
- Tổng nợ phải trả / Tổng nợ ngắn hạn	%	1.0564	1.0279
- Tổng tài sản lưu động / Tổng nợ ngắn hạn	lần	1.0287	7.6557
- Tiền / Tổng nợ ngắn hạn	lần	0.0097	0.0199

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo: Thời điểm 31/12/2010, tổng giá trị tài sản tại theo giá trị sổ sách là 329.567.509.529 đồng, giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu là 38.075.095.846 đồng. Tương đương Giá trị sổ sách (BV) 1 cổ phiếu = 19.037,5 VNĐ.
- Những thay đổi về vốn cổ đông: không có thay đổi
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại: 1.995.000 cổ phiếu phổ thông, 5.000 cổ phiếu quỹ.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 1.995.000 cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 5.000 cổ phiếu
- Cổ tức chia cho các cổ đông: 20%

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

2.1 Sản xuất

TT	DIỄN GIẢI	ĐVT	TH NĂM 2009	KH NĂM 2010	TH NĂM 2010	SO SÁNH (%)	
						6=5/3	7=5/4
	1	2	3	4	5		
I	Giá trị HHTH	Tr.đ	133.615	155.003	161.820	121,1	104,4
A	Dây chuyền KMN:	-	16.717	19.018	19.070	114,1	100,3
1	Thuốc Kem - Mỡ ngoài da	-	14.480	15.270	16.232	112,1	106,3
2	Thuốc Mắt - Mũi	-	2.237	3.748	2.838	126,9	75,7
B	Dây chuyền VCB Cephlosporin		60.331	80.276	86.114	142,7	107,3
1	Thuốc viên Cefalosporin	-	53.647	73.266	82.737	154,2	112,9
2	Thuốc Bột Cefalosporin	-	6.684	7.010	3.377	50,5	48,2
C	Dây chuyền VCB Non Betalactam		54.438	53.745	55.958	102,8	104,1
1	SXNQ TNM		29.820	30.142	29.342	98,4	97,3
1.1	Thuốc Viên		29.613	29.962	29.048	98,1	96,9
1.2	Thuốc Cốm - Bột		207	180	294	142,0	163,3
2	Medipharco phân phối		24.618	23.603	26.616	108,1	112,8
2.1	Thuốc Viên	-	23.090	21.651	25.412	110,1	117,4
2.2	Thuốc bột	-	848	852	869	102,5	102,0
2.3	Thuốc uống dạng Gel	-	680	1.100	335	49,3	30,5
D	Rượu-Bột bó:		2.129	1.962	678	31,8	34,6
1	Bột bó	-	430	462	474	110,2	102,6
2	Rượu thuốc	-	1.699	1.500	204	12,0	13,6